TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2022/DS-PT.
Ngày: 22-11-2022
V/v: Tranh chấp thừa kế QSD đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán: 1. Ông Lưu Văn Uẩn

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 357/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 28 tháng 06 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 321/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 266/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Thùy D, sinh năm 1995.
Địa chỉ: Số 162 đường N , phường 3, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Ngọc Thùy D: Là ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1976 (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/3/2022).

Địa chỉ: số 20 N , phường 1, thành phố T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1975.
Địa chỉ: số 162 đường N , phường 3, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng P là: ông Lê Thanh M, sinh năm 1976 (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/3/2022).

Địa chỉ: số 318, Quốc lộ 62, phường 6, thành phố T, tỉnh Long An.
3.Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1. Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1974.
3.2. Chị Nguyễn Phương T, sinh năm 2003.
3.3. Em Nguyễn Hoàng Phúc N, sinh năm 2013.

3.4. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1959 (mất năng lực hành vi dân sự).

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim A và Nguyễn Hoàng P Nguyên: ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1975.

3.5.Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ số 162 N , phường 3, thành phố T.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng P, bà Nguyễn Phương T, bà Nguyễn Thị Kim C: ông Lê Thanh M, sinh năm 1976 (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2022 và ngày 07/5/2022).

Địa chỉ: số 318, Quốc lộ 62, phường 6, thành phố T, tỉnh Long An.

3.6. Ông Huỳnh Minh C , sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 249, đường H , xã B, thành phố T, tỉnh Long An.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thùy D do ông Nguyễn Minh C đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà Nguyễn Ngọc Thùy D là con duy nhất của ông Nguyễn Kim Long, sinh năm 1966, chết ngày 27/01/2019. Trước đây ông nội và bà nội của bà D là cụ Nguyễn Kim Bê và cụ Nguyễn Thị Hai có làm tờ di chúc để lại căn nhà số tại 162 N , phường 3, thành phố T, tỉnh Long An cho cha của bà D là ông Nguyễn Kim Long và chú ruột của bà D là ông Nguyễn Hoàng P. Cụ Nguyễn Kim Bê chết năm 2010 và cụ Nguyễn Thị Hai chết năm 2012. Ngày 21/4/2015, ông Nguyễn Kim Long và ông Nguyễn Hoàng P được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận đồng sở hữu quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 1- 11a diện tích 251,5m^2. Đến ngày 16/7/2015 ông Long, ông P đã chuyển nhượng cho người khác một phần diện tích quyền sử dụng đất là 108 m^2. Diện tích còn lại là 143,3 m^2 thuộc thửa mới là thửa 192 tờ bản đồ số 1-11a tọa lạc tại phường 3, thành phố T, tỉnh Long An.

Đến năm 2019 ông Nguyễn Kim Long chết, bà D là con duy nhất của ông Nguyễn Kim Long, yêu cầu ông Nguyễn Hoàng P chia lại ½ giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đối với phần diện tích 143,3m^2, thửa mới là 192, tờ bản đồ số 1-11a tọa lạc tại phường 3, thành phố T, tỉnh Long An, nhưng ông P không đồng ý.

Nay bà D yêu cầu ông Nguyễn Hoàng P phải có nghĩa vụ chia lại cho bà D trị giá ½ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đối với diện tích 143,3m^2 thuộc thửa 192 tờ bản đồ số 1-11a tọa lạc tại phường 3, thành phố T, tỉnh Long An. Theo chứng thư thẩm định giá số 43/11/03/2022/TĐG LA-BĐS ngày 11/03/2022 của Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ và Tư vấn Hồng Đức thì giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có giá trị là 8.658.594.000đồng. bà D yêu cầu được nhận ½ giá trị tương đương với số tiền là 4.329.297.000 đồng

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng P có người đại diện theo ủy quyền ông Lê Thanh M trình bày: Ông Nguyễn Hoàng P và ông Nguyễn Kim Long là anh em ruột, được cha mẹ là cụ Nguyễn Kim Bê chết năm 2010 và cụ Nguyễn Thị Hai

chết năm 2012 lập di chúc để lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 1- 11a diện tích 251,5m^2. Ngày 21/4/2015 ông Nguyễn Kim Long và ông Nguyễn Hoàng P được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 1- 11a diện tích 251,5m^2. Đến ngày 16/7/2015 ông Long, ông P đã chuyển nhượng một phần diện tích quyền sử dụng đất và nhà ở là 108m^2 cho người khác. Diện tích còn lại là 143,3 m^2 thuộc thửa mới là thửa 192 tờ bản đồ số 1-11a tọa lạc tại phường 3, thành phố T, tỉnh Long An.

Từ khi được cấp giấy chứng nhận đồng sở hữu quyền sử dụng đất và tài sản gắn liên với đất đến nay ông Long không ở nhà thờ. Đến năm 2019 ông Long chết, con của ông Long là bà Nguyễn Ngọc Thùy D yêu cầu chia thừa kế phần diện tích còn lại là 143,3 m^2 ông P không đồng ý. Trường hợp bà D có nhu cầu về ở tại nhà thờ thì ông P đồng ý. ông P cũng đồng ý chia cho bà D ½ giá trị tài sản với điều kiện khi nào ông P bán được quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên hoặc ông P tạo lập được nơi ở mới thì chia cho bà D.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hồng P, bà Nguyễn Phương T, bà Nguyễn Thị Kim C do ông Lê Thanh M đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Hoàng P và không có yêu cầu gì khác trong vụ án này.

Vụ án được Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T đã tuyên:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 623, Điều 649, Điều 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp chia thừa kế của bà Nguyễn Ngọc Thùy D đối với ông Nguyễn Hoàng P.

Buộc ông Nguyễn Hoàng P phải có nghĩa vụ chia lại cho bà Nguyễn Ngọc Thùy D giá trị ½ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đối với diện tích đất 143,3m^2, thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 1-11a tọa lạc tại phường 3, thành phố T, tỉnh Long An là di sản thừa kế của ông Nguyễn Kim Long để lại, tương đương với số tiền là 4.329.297.000 đồng.

Về chi phí đo vẽ định giá và xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp là 36.000.000đồng. Nguyên đơn bị đơn mỗi bên phải chịu ½. Chi phí này bà Nguyễn Ngọc Thùy D đã ứng ra nộp nên ông Nguyễn Hoàng P phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Ngọc Thùy D số tiền 18.000.000đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc Thùy D phải chịu 112.329.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.0000 đồng theo các biên lai thu số 0005422 cùng ngày 28/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự

thành phố T, bà Nguyễn Ngọc Thùy D phải nộp thêm 76.329.000 đồng. Ông Nguyễn Hoàng P phải nộp 112.329.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 4/7/2022, ông Nguyễn Hoàng P do ông Lê Thanh M đại diện theo ủy quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa phúc thẩm xét xử theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm là bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, xác định không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Nguyên đơn có người đại diện là ông Nguyễn Minh C trình bày: Không đồng ý với toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông P, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn có người đại diện là ông Lê Thanh M trình bày: Đề nghị Tòa phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D. Vì căn nhà này là của chung ông Long và ông P dùng để thờ cúng cha mẹ. ông P đồng ý chia quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà này với điều kiện khi nào ông P có nhà ở khác thì ông P sẽ bán căn nhà này chia cho bà D, còn hiện tại ông P chưa bán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tranh luận tại tòa. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng P không có cơ sở để xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Đơn kháng cáo của của ông Nguyễn Hoàng P được làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp thừa kế tài sản và giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Ông Huỳnh Minh C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Cường.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng P thấy rằng: Về nguồn gốc đất, nguyên đơn và bị đơn thống nhất thửa đất số 192 (thửa cũ số 53), tờ bản đồ số 1-11a tọa lạc tại phường 3, thành phố T, tỉnh Long An là của cụ Nguyễn Kim Bê và cụ Nguyễn Thị Hai lập di chúc để lại. Sau khi cụ Bê và cụ Hai chết, ông Long và ông Phúc đi đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận đồng sở hữu quyền sử dụng đất thửa đất số 53, tờ bản đồ số 1- 11a diện tích 251,5m^2. Ngày 21/4/2015 ông Nguyễn Kim Long và ông Nguyễn Hoàng P được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận đồng sở hữu quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 1- 11a diện tích 251,5m^2. Đến ngày 16/7/2015 ông Long, ông P đã chuyển nhượng cho người khác một phần diện tích quyền sử dụng đất và nhà ở là 108 m^2. Diện tích đất và nhà còn lại là 143,3m^2 thuộc thửa mới là 192 tờ bản đồ số 1-11a tọa lạc tại phường 3, thành phố T, tỉnh Long An. Nguyên đơn và bị đơn cũng thống nhất hình thức và nội dung của tờ di chúc do cụ Nguyễn Kim Bê và cụ Nguyễn Thị Hai để lại là hợp pháp, đúng với quy định của pháp luật. Quá trình khai nhận di sản và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Kim Long và ông Nguyễn Hoàng P là đúng với trình tự thủ tục pháp luật quy định, không có khiếu nại hay thắc mắc gì.

[2.2] bà D cho rằng thửa 192 tờ bản đồ số 1-11a tọa lạc tại phường 3, thành phố T, tỉnh Long An là di sản của cha bà D là ông Nguyễn Kim Long (chết năm 2019) đồng sở hữu với ông Nguyễn Hoàng P, nay ông Long đã chết bà D yêu cầu được hưởng ½ di sản là nhà và đất tại thửa 192 tờ bản đồ số 1-11a tọa lạc tại phường 3, thành phố T, tỉnh Long A. Tuy nhiên, ông P xác định nhà và đất tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 1-11a tọa lạc tại phường 3, thành phố T, tỉnh Long An hiện tại là nhà thờ, bà D nếu có nhu cầu về ở tại nhà thờ thì ông P đồng ý. ông P cũng đồng ý chia cho bà D ½ giá trị tài sản với điều kiện khi nào ông P bán quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hoặc khi nào ông P tạo lập được nơi ở khác thì sẽ chia cho bà D. Hiện tại ông P không đồng ý với yêu cầu của bà D.

[2.3] Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở để xác định thửa đất số 192 tờ bản đồ số 1-11a tọa lạc tại phường 3, thành phố T, tỉnh Long An và tài sản gắn liền với đất là quyền sử dụng thuộc sở hữu chung của ông Nguyễn Kim Long và ông Nguyễn Hoàng P, ông Nguyễn Kim Long chết có vợ nhưng đã ly hôn từ năm 2004, bà Nguyễn Ngọc Thùy D là người thừa kế theo pháp luật duy nhất của ông Long.

[2.4] Xét đối với yêu cầu chia thừa kế của bà D thấy rằng: ông P xác định đây là tài sản chung của ông Long (cha của bà D) và của ông P đồng sở hữu

chung và cũng thống nhất chia cho bà D ½ giá trị di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, nhưng với điều kiện khi nào ông P bán tài sản, hoặc ông P tạo lập được nơi ở mới thì sẽ chia cho bà D. Đối với lời trình bày của ông P là không có căn cứ, vì ông P không xác định được thời gian cụ thể đến khi nào để chia di sản cho bà D, theo lời trình bày của ông P làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bà D, nên không được bà D chấp nhận. Như vậy, phần di sản là thửa đất số 192 tờ bản đồ số 1-11a tọa lạc tại phường 3, thành phố T, tỉnh Long An và tài sản gắn liền với đất được chia thành 2 phần, do quyền sử dụng đất thuộc đồng sở hữu chung của ông Long, ông P có diện tích 143,3 m^2 không đủ diện tích để tách thửa theo quy định tại khoản 2, Điều 9 của Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh Long An để chia bằng hiện vật, nên một bên được nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và phải hoàn lại giá trị bằng tiền cho bên còn lại. Xét thấy kể từ khi ông Long ông P được nhận di sản do cha mẹ để lại, ông P là người trực tiếp quản lý và sử dụng di sản. Xét thấy, nên giao tài sản là thửa đất số 192 tờ bản đồ số 1-11a tọa lạc tại phường 3, thành phố T, tỉnh Long An và toàn bộ tài sản trên đất cho ông P. ông P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc Thùy D ½ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, giá trị tài sản được chia tính theo chứng thư thẩm định giá số 43/11/03/2022/TĐG LA-BĐS ngày 11/03/2022 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Tư vấn Hồng Đức thì giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có giá trị là 8.658.594.000 đồng. Vì vậy, ông Nguyễn Hoàng P phải trả cho bà D ½ giá trị tài sản, tương đương với số tiền là 4.329.297.000 đồng.

[2.5] Đối với công sức đóng góp, quản lý di sản. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất không yêu cầu tính công sức đóng góp, quản lý di sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích: Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng P là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[3] Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Ngoài ra, tại phần Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên buộc ông Nguyễn Hoàng P có nghĩa vụ chia cho bà Nguyễn Ngọc Thùy D ½ giá trị di sản bằng tiền và buộc ông P hoàn lại tiền chi phí tố tụng cho bà D nhưng không tuyên lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là thiếu sót. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần phải sửa bản án sơ thẩm đối với phần này.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Hoàng P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng P. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 228, Điều 272, Điều 273, Điều 296, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 468, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp chia thừa kế của bà Nguyễn Ngọc Thùy D đối với ông Nguyễn Hoàng P.

Buộc ông Nguyễn Hoàng P phải có nghĩa vụ chia lại cho bà Nguyễn Ngọc Thùy D giá trị ½ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đối với diện tích đất 143,3m^2, thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 1-11a tọa lạc tại phường 3, thành phố T, tỉnh Long An, là di sản thừa kế của ông Nguyễn Kim Long để lại, tương đương với số tiền là 4.329.297.000 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí là 36.000.000đồng. Buộc ông Nguyễn Hoàng P phải chịu ½ là 18.000.000đồng, buộc bà Nguyễn Ngọc Thùy D phải chịu ½ là 18.000.000đồng. Tổng chi phí này bà Nguyễn Ngọc Thùy D đã nộp xong, do đó ông Nguyễn Hoàng P phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Ngọc Thùy D số tiền 18.000.000đồng.

3. Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Nguyễn Ngọc Thùy D phải chịu 112.329.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 36.000.000đồng theo biên lai thu số 0005422 cùng ngày 28/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, bà Nguyễn Ngọc Thùy D phải nộp thêm số tiền 76.329.000 đồng.

4.2. Ông Nguyễn Hoàng P phải nộp 112.329.000 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Hoàng P phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001728 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Lưu Văn Uẩn – Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	**Phùng Thị Cẩm Hồng**